

Tên:

Lớp: S5...

Ngày giao bài: Thứ, ngày/.....

Ngày nộp bài: Thứ, ngày/.....



Week: 10

Ngữ pháp HW:

Nghe HW:

UNIT 3: PLACES - ADJECTIVES & ADVERBS

A. GRAMMAR

⇒ I. ADVERBS VS ADJECTIVES ⇐

1. Adjective vs Adverb

	Adjective	Adverb
Dùng để	tả người, vật, nơi chốn.	tả cách một hành động xảy ra.
Thường đi với	noun / be	verb
Ví dụ	- a happy girl - The girl is happy.	- She sings beautifully. - He runs quickly.
Ví dụ từ:	happy, slow, careful	happily, slowly, carefully

2. Cách tạo adverb

- 1 Thường thêm -ly: → careful → carefully
- 2 Nếu tính từ tận cùng bằng -y, đổi y → ily: → happy → happily
- 3 Bất quy tắc: → good → well
- 4 Một số từ giữ nguyên: → fast → fast, hard → hard
- 5 Lưu ý: → hardly ≠ hard (hardly = hầu như không)

II. COMPARATIVE & SUPERLATIVE ADJECTIVES

So sánh hơn & so sánh nhất của tính từ

1. Công thức & cách dùng

Tính từ ngắn: 1 âm tiết (tall, big) và tính từ 2 âm tiết tận cùng -y (happy, easy). Tính từ dài: 2 âm tiết trở lên (difficult, expensive, beautiful).

Comparative

so sánh 2 người / vật.

Short adjectives: S + be + adj-er + than + ...
Tom is taller than Jack.

Long adjectives: S + be + more + adj + than + ...
This book is more interesting than that one.

Superlative

so sánh từ 3 người / vật trở lên, chỉ cái nhất.

Short adjectives: S + be + the + adj-est + ...
Tom is the tallest in the class.

Long adjectives: S + be + the most + adj + ...
It is the most beautiful place in the city.

2. Cách thêm -er / -est

- 1 Thêm trực tiếp: tall → taller → tallest
- 2 Tận cùng -e: nice → nicer → nicest
- 3 Phụ âm + y: happy → happier → happiest
- 4 1 nguyên âm ngắn + 1 phụ âm: big → bigger → biggest hot → hotter → hottest

Không nhân đôi w, x, y.

3. Một số tính từ bất quy tắc

Adjective	Comparative	Superlative
good	better	best
bad	worse	worst
far	farther / further	farthest / furthest

III. COMPARATIVE & SUPERLATIVE ADVERBS

So sánh hơn & so sánh nhất của trạng từ

1. Công thức & cách dùng

Từ ngắn: thường không có **-ly** (fast, hard, early). **Từ dài:** thường tận cùng bằng **-ly** (carefully, beautifully).

Comparative

so sánh cách làm giữa 2 người / 2 hành động.

Short adverbs:	S + V + adv-er + than + ... Ví dụ: Tom runs faster than Jack.
Long adverbs:	S + V + more + adv + than + ... Ví dụ: She sings more beautifully than Mai.

Superlative

so sánh từ 3 người / hành động trở lên, chỉ cách làm nhất.

Short adverbs:	S + V + the + adv-est + ... Ví dụ: Tom runs the fastest in his class.
Long adverbs:	S + V + the most + adv + ... Ví dụ: She sings the most beautifully in the team.

2. Cách tạo dạng so sánh

- Từ ngắn:** thêm **-er / -est**:
Ví dụ: fast → faster → fastest
- Tận cùng -e:**
Ví dụ: late → later → latest
- Phụ âm + y:**
Ví dụ: early → earlier → earliest
- Trạng từ dài:** dùng **more / the most**:
Ví dụ: carefully → more carefully → the most carefully

3. Một số trạng từ bất quy tắc

Adverb	Comparative	Superlative
well	better	best
badly	worse	worst
little	less	least
far	farther / further	farthest / furthest

- **Lưu ý:** sau comparative thường có **than**.
- **Ví dụ thêm:** hard → harder → hardest; fast → faster → fastest

IV. EXTRA VOCABULARY

Con truy cập link hoặc quét mã QR để nghe và đọc lại từ vựng nhé:

<https://on.soundcloud.com/6rGeUYcJB4e3AEH53B>



No.	Words	Meanings	Pictures	No.	Words	Meanings	Pictures
1	torch (n)	đèn pin		4	shelf (n)	cái kệ	
2	rucksack (n)	ba lô		5	armchair (n)	ghế bành	
3	cupboard (n)	tủ		6	magazine (n)	tạp chí	

*Note: n = noun: danh từ.

B. HOMEWORK

GRAMMAR (15 questions)

I. Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi ở phần IV. EXTRA VOCABULARY (trang 2).

II. Choose the correct answers.

0. My brother swims _____ than me.

☒ A. faster

B. more fast

C. fastest

1. Minh is a _____ student than his brother.

A. more careful

B. more carefully

C. carefuller

2. My dad gets up _____ in my family.
A. the most early B. the earliest C. earlier
3. Minh writes _____ than his brother.
A. more careful B. more carefully C. carefullier
4. Anna sings _____ than me.
A. the best B. gooder C. better
5. Today is _____ day of the summer.
A. hotter B. the hottest C. the hottest

III. Each sentence has one mistake in the underlined part. Write the correct form.

0. Nam jumps more high than his friend.
→ higher
1. Tuan arrived latest than me.
→ _____
2. Nga studies the hard in our group.
→ _____
3. My grandpa walks slowlier than my grandma.
→ _____
4. Bao speaks English clearlyer than Nam.
→ _____
5. My team played badder than we did last week.
→ _____

IV. Use the words in brackets to write a complete sentence. Keep the words in the same order. Change the form of the adjective or adverb.

0. (my bag / heavy / your bag)
→ My bag is heavier than your bag.
1. (the tiger / dangerous / animal / in this zoo)
→ _____
2. (an elephant / big / a horse)
→ _____
3. (my sister / sings / beautifully / my brother)
→ _____
4. (Mount Everest / high / mountain / in the world)
→ _____
5. (a motorbike / expensive / a bicycle)
→ _____

LISTENING PRACTICE (5 questions)

Con truy cập link hoặc quét mã QR để làm bài nghe nhé:

<https://on.soundcloud.com/t6aHlrRue1hHvHr7ha>

Michael has cleaned his bedroom and has found lots of things.
Where did he find each thing?

Listen and write a letter in each box. There is one example.



camera

E



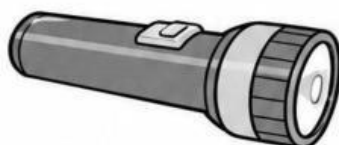
football



DVD



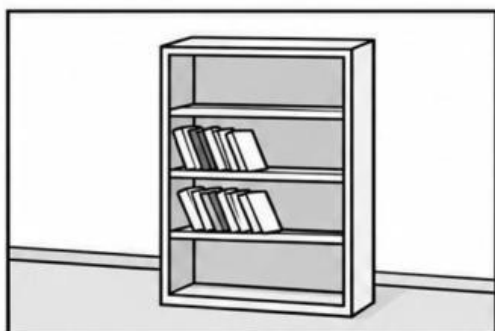
umbrella



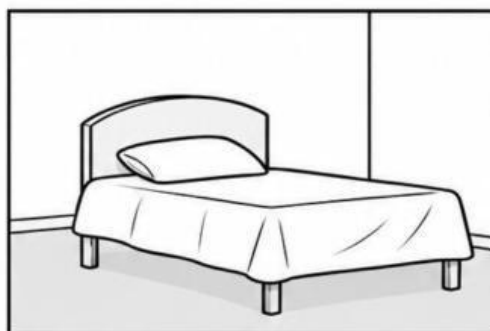
torch



toy train



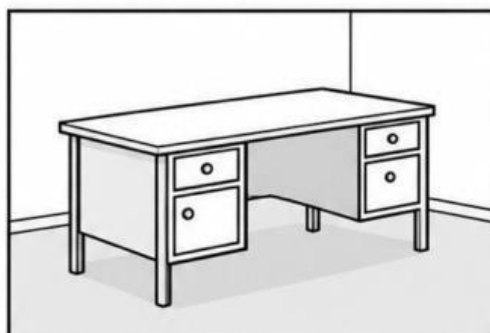
A



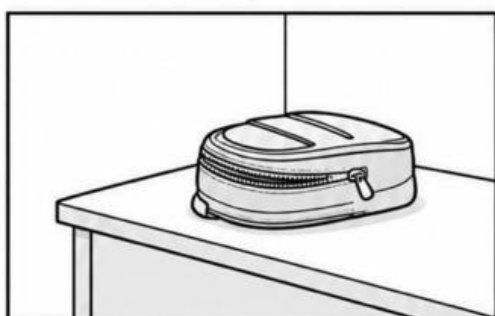
B



C



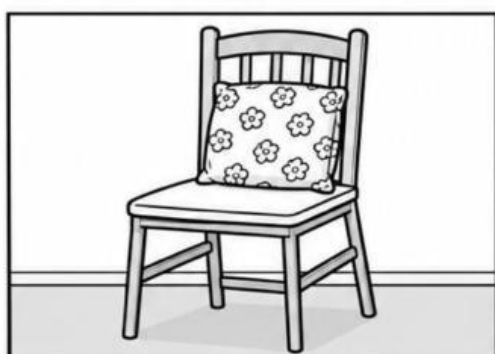
D



E



F



G



H